

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày 08-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Hiệp

Bà Lê Thùy Trang

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhị Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 08 Tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo: T T K H, sinh năm 1958 tại xã B C, huyện T T, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Tổ 7, ấp T B, xã T T, huyện T T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Tứ Ân Hiếu Nghĩa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T V V và bà L T C đã chết; Có chồng tên N T D, sinh năm 1964 và 01 con sinh năm 2002;

Tiền án: Ngày 08 tháng 6 năm 2013, bị Tòa án nhân dân thị xã T C, tỉnh An Giang xử phạt 05 năm tù về tội “trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21 tháng 01 năm 2017;

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 11 tháng 9 năm 1985, bị Công an tỉnh An Giang bắt về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, được tha không xử lý;

Khoảng tháng 3/1990, bị Công an thị xã C Đ (nay là thành phố C Đ), tỉnh An Giang bắt về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, được tha không xử lý;

Ngày 23 tháng 6 năm 1992, bị Công an thị xã C Đ, tỉnh An Giang bắt về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”, được tha không xử lý;

Ngày 05 tháng 11 năm 1993, bị Công an thị xã C Đ, tỉnh An Giang bắt về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”, được tha không xử lý;

Ngày 10 tháng 3 năm 1994, bị Tòa án nhân dân thị xã C Đ (nay là thành phố C Đ), tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

Ngày 14 tháng 4 năm 1995, bị Tòa án nhân dân huyện T B, tỉnh An Giang xử phạt 05 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

Ngày 17 tháng 01 năm 1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

Ngày 27 tháng 10 năm 1999, bị Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

Ngày 13 tháng 8 năm 2003, bị Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh An Giang xử phạt 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Ngày 16 tháng 01 năm 2009, bị Tòa án nhân dân huyện T T, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành xong án phạt vào ngày 17 tháng 4 năm 2011;

Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-*Bị hại*: Anh V H N, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 01, ấp V T, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

khoảng 10 giờ 30 phút ngày 17-02-2018, T T K H điều khiển xe mô tô biển số 68M2 – 4727 nhãn hiệu: Honciti, số máy: 521 MH – 404365, số khung: 4MM71 – 404365 đến khu vực ấp V T, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang tìm nhà dân không có người trông coi để đột nhập vào trong nhà lấy trộm tài sản. Khi đến khu vực Tổ 01, ấp V T, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang H chạy xe ngang nhà của bà D T T. Hương quan sát thấy cửa rào không đóng, trong nhà không có người, H dừng xe, đậu xe cặp lề đường cách cửa rào nhà bà T khoảng 5m. Sau đó H đi vào trong nhà của bà T, rồi vào phòng ngủ của anh V H N là con của bà T lấy trộm 01 cái bóp da bên trong có 1.133.000đ (một triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng) thì bị bà T phát hiện tri hô “Sao lấy cái bóp của con tôi”. Sau khi bị phát hiện H bỏ lại bóp trên bàn rồi bỏ đi ra phía trước nhà thì bị anh V H N, cùng ông V V T là cha của anh Nghị và V V S là bác của anh N đến giữ H lại và báo Công an xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang lập biên bản vi phạm hành chính đối với T T K H về hành vi “trộm cắp tài sản”.

Qua xác minh, H có tiền án về tội “trộm cắp tài sản” nên công an xã V A chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngày 09-4-2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T khởi tố vụ án số 23 và khởi tố bị can số 14 đối với T T K H, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo T T K H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Trong quá trình điều tra: Bị hại anh V H N; Người làm chứng ông V V T, ông V V S và bà D T T trình bày như nội dung vụ án đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đã nêu; Hành vi của bị cáo T T K H đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo là người thành niên, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 17-02-2018, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 1.138.000đ. Bị cáo có 01 tiền án vào ngày 08 tháng 6 năm 2013, bị Tòa án nhân dân thị xã T C, tỉnh An Giang xử phạt 05 năm tù về tội “trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21 tháng 01 năm 2017; Chưa được xóa án tích. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại anh N, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Về nhân thân:

Ngày 11 tháng 9 năm 1985, bị Công an tỉnh An Giang bắt về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”, được tha không xử lý;

Khoảng tháng 3/1990, bị Công an thị xã C Đ (nay là thành phố C Đ), tỉnh An Giang bắt về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”, được tha không xử lý;

Ngày 23 tháng 6 năm 1992, bị Công an thị xã C Đ, tỉnh An Giang bắt về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”, được tha không xử lý;

Ngày 05 tháng 11 năm 1993, bị Công an thị xã C Đ, tỉnh An Giang bắt về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”, được tha không xử lý;

Ngày 10 tháng 3 năm 1994, bị Tòa án nhân dân thị xã C Đ (nay là thành phố C Đ), tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

Ngày 14 tháng 4 năm 1995, bị Tòa án nhân dân huyện T B, tỉnh An Giang xử phạt 05 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

Ngày 17 tháng 01 năm 1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

Ngày 27 tháng 10 năm 1999, bị Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

Ngày 13 tháng 8 năm 2003, bị Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh An Giang xử phạt 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Ngày 16 tháng 01 năm 2009, bị Tòa án nhân dân huyện T T, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phạt vào ngày 17 tháng 4 năm 2011.

Lẽ ra, sau khi chấp hành án xong bị cáo phải biết ăn năn hối cải, trở thành người công dân tốt, ngược lại sau này bị cáo lại có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Điều này cho thấy bị cáo không hối cải.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại biên bản kết luận định giá tài sản tang vật số 21/KL.HĐ ngày 12-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang kết luận: 01 bốp da màu đen đã qua sử dụng có trị giá 25.000đ x 20% = 5.000đ (năm ngàn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản nêu trên.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trả lại tài sản do H lấy trộm cho bị hại anh N là số tiền 1.133.000đ và một bốp da màu đen.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKSCT-HS ngày 18-6-2018 gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển số 68M2 – 4727 nhãn hiệu: Honciti, số máy: 521 MH – 404365, số khung: 4MM71 – 404365 đã qua sử dụng cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68M2 – 4727 mang tên N T N H; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên T T K H số 352378148 thu giữ của bị cáo H.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKSCT-HS ngày 18-6-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo T T K H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 (với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo; Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, nhận thức pháp luật còn hạn chế); Bị cáo không có tiền án, tiền sự; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: bị cáo T T K H mức án tù: 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

*Phần bồi thường dân sự: Bị hại anh N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

*Tang vật liên quan đến vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKSCT-HS ngày 18-6-2018 gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đã qua sử dụng; 01 xe mô tô

biển số 68M2 – 4727 nhãn hiệu: Honciti, số máy: 521 MH – 404365, số khung: 4MM71 – 404365 đã qua sử dụng cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68M2 – 4727 mang tên N T N H; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên T T K H số 352378148 thu giữ của bị cáo H.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đã qua sử dụng và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên T T K H số 352378148 là tài sản của bị cáo H không liên quan đến vụ án. Căn cứ Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại bị cáo H.

Đối với: 01 xe mô tô biển số 68M2 – 4727 nhãn hiệu: Honciti, số máy: 521 MH – 404365, số khung: 4MM71 – 404365 đã qua sử dụng cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68M2 – 4727 mang tên N T N H là tài sản của bị cáo H, bị cáo H dùng để làm phương tiện đi tìm tài sản lầy trộm. Căn cứ Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 17-02-2018, tại nhà của ông V V T và bà D T T thuộc Tổ 01, ấp V T, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang. Bị cáo T T K H là người thành niên, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình đã thực hiện hành vi lợi dụng sự sơ hở trong việc trông giữ tài sản của bị hại, lén lút chiếm đoạt số tiền 1.138.000đ (một triệu một trăm ba mươi tám ngàn đồng) trong khi bị cáo có 01 tiền án là vào ngày 08 tháng 6 năm 2013, bị Tòa án nhân dân thị xã T C, tỉnh An Giang xử phạt 05 năm tù về tội “trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21 tháng 01 năm 2017; Chưa được xóa án tích. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại anh N, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Theo quy

định tại Điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.”...

như vậy, hành vi của bị cáo H đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại anh N với số tiền 1.138.000đ, bị cáo đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Như chúng ta đều biết, tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị nghiêm trị. Song xuất phát từ bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống kinh tế của họ, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] *Về nhân thân:*

Ngày 11 tháng 9 năm 1985, bị Công an tỉnh An Giang bắt về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, được tha không xử lý;

Khoảng tháng 3/1990, bị Công an thị xã C Đ (nay là thành phố C Đ), tỉnh An Giang bắt về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, được tha không xử lý;

Ngày 23 tháng 6 năm 1992, bị Công an thị xã C Đ, tỉnh An Giang bắt về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, được tha không xử lý;

Ngày 05 tháng 11 năm 1993, bị Công an thị xã C Đ, tỉnh An Giang bắt về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”, được tha không xử lý;

Ngày 10 tháng 3 năm 1994, bị Tòa án nhân dân thị xã C Đ (nay là thành phố C Đ), tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

Ngày 14 tháng 4 năm 1995, bị Tòa án nhân dân huyện T B, tỉnh An Giang xử phạt 05 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

Ngày 17 tháng 01 năm 1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

Ngày 27 tháng 10 năm 1999, bị Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*”;

Ngày 13 tháng 8 năm 2003, bị Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh An Giang xử phạt 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Ngày 16 tháng 01 năm 2009, bị Tòa án nhân dân huyện T T, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành xong án phạt vào ngày 17 tháng 4 năm 2011.

[7] *Về vật chứng liên quan đến vụ án*: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKSCT-HS ngày 18-6-2018 gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển số 68M2 – 4727 nhãn hiệu: Honciti, số máy: 521 MH – 404365, số khung: 4MM71 – 404365 đã qua sử dụng cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68M2 – 4727 mang tên N T N H; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên T T K H số 352378148 thu giữ của bị cáo H.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đã qua sử dụng và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên T T K H số 352378148 là tài sản của bị cáo H không liên quan đến vụ án. Căn cứ Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xem xét trả lại bị cáo H.

Đối với: 01 xe mô tô biển số 68M2 – 4727 nhãn hiệu: Honciti, số máy: 521 MH – 404365, số khung: 4MM71 – 404365 đã qua sử dụng cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68M2 – 4727 mang tên N T N H là tài sản của bị cáo H, bị cáo H dùng để làm phương tiện đi tìm tài sản lấy trộm. Căn cứ Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xem xét tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại anh N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[9] *Án phí*: Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án; Điều 136 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Bị cáo T T K H phải chịu: 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[10] *Quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo T T K H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08-8-2018).

Bị hại anh V H N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 Tuyên bố: bị cáo T T K H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt T T K H 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào: Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo T T K H 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đã qua sử dụng và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên T T K H số 352378148 là của bị cáo T T K H theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKSCT-HS ngày 18-6-2018.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô biển số 68M2 – 4727 nhãn hiệu: Honciti, số máy: 521 MH – 404365, số khung: 4MM71 – 404365 đã qua sử dụng cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68M2 – 4727 mang tên N T N H theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKSCT-HS ngày 18-6-2018.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Bị cáo T T K H phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo T T K H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08-8-2018).

Bị hại anh V H N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành;
- Nhà Tạm giữ – Công an huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Đông Hoà